TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ TỪ SƠN** **TỈNH BẮC NINH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập-Tự do- Hạnh P**

Bản án số: 06 /2020/HNGĐ-ST
Ngày: 17/4/2020
"V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TỪ SƠN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thu Hà

Các hội thẩm dân nhân: Ông Nguyễn Văn An; ông Đỗ Đức Hùng.

Thư ký phiên toà: Ông Tạ Hữu Hiển - Thư ký tòa án nhân dân thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Từ Sơn tham gia phiên toà: Bà Trần Thị Hằng – Kiểm sát viên.

Ngày 17/4/2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 08/2019/TLST-HNGĐ ngày 03/12/2019 về việc "ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 10/02/2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1986 (có mặt).

HKTT: Thôn VT, xã HM, thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh.

Bị đơn: Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1986 (vắng mặt)

HKTT và nơi cư trú cuối cùng: Thôn VT, xã HM, thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện cùng các lời khai tiếp theo tại tòa án và tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn là anh T trình bày:

Anh kết hôn với chị Nguyễn Thị T ngày 30/12/2005, trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại UBND xã HM, thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh. Sau khi kết hôn anh chị sống chung với nhau cùng gia đình anh tại thôn VT, xã HM, thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh. Quá trình chung sống vợ chồng sống hòa thuận

đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do tính cách không hợp, bất đồng quan điểm sống, chị T có quan hệ với người đàn ông khác nên đã bỏ nhà đi từ tháng 11/2016 không có tin tức hay liên lạc gì. Anh đã đi tìm khắp nơi, hỏi người thân và gia đình chị nhưng không ai biết chị T đang ở đâu, chị T cũng không liên lạc gì với họ. Anh đã thông báo tìm kiếm người ở nơi cư trú trên đài phát thanh của địa phương nhưng cũng không có tin tức gì của chị T, hiện chị T ở đâu, còn sống hay đã chết anh cũng không biết. Cuối năm 2018 anh đã làm đơn đề nghị Tòa án tuyên bố chị T mất tích. Ngày 01/7/2019 Tòa án thị xã Từ Sơn đã ra Quyết định tuyên bố chị T mất tích. Từ đó cho đến nay anh cũng không nhận được bất cứ tin tức gì của chị T. Nay anh xác định không còn tình cảm với chị T nên yêu cầu được ly hôn chị T.

Con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Bá P, sinh ngày 21/6/2006 và Nguyễn Văn A, sinh ngày 07/12/2010 đang ở với anh. Anh yêu cầu được nuôi cả hai con chung, cấp dưỡng nuôi con anh không yêu cầu giải quyết. Hiện tại anh có nghề lái xe thu nhập ổn định là 20.000.000đ/tháng.

Tài sản chung, công sức đóng góp : Không yêu cầu giải quyết

Công nợ: Không có

Bị đơn là chị T đã bị Tòa án nhân dân thị xã Từ Sơn tuyên bố mất tích, đến nay vẫn vắng mặt tại địa phương.

Tòa án đã tiến hành các thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật, do chị T vắng mặt nên không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Từ Sơn phát biểu về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử là đúng theo Bộ luật tố tụng dân sự; việc chấp hành pháp luật tố tụng dân sự của nguyên đơn là đảm bảo theo đúng quy định pháp luật.

Về đường lối giải quyết vụ án: Áp dụng các Điều 28, 35, 36, 39, 147, 235, 264, 266, 267, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự,

Áp dụng Điều 51,khoản 2 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 luật hôn nhân gia đình, đề nghị HĐXX xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh T.

Xử: cho anh T được ly hôn với chị T.

Con chung: Giao cháu Nguyễn Bá P, sinh ngày 21/6/2006 và Nguyễn Văn A, sinh ngày 07/12/2010 cho anh T nuôi dưỡng; cấp dưỡng nuôi con không đặt ra giải quyết.

Về tài sản chung, công sức đóng góp và công nợ: không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng**:** Bị đơn là chị T đã được tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Căn cứ quy định tại điều 227; khoản 3 điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vụ án vắng mặt bị đơn.

Anh T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết về việc ly hôn với chị Nguyễn Thị T và giải quyết việc nuôi con chung khi ly hôn. Do đó, quan hệ tranh chấp được xác định là " Tranh chấp ly hôn và tranh chấp về nuôi con" , theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. Chị T có nơi cư trú cuối cùng tại Thôn VT, xã HM, thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh nên căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 điều 36 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh thụ lý giải quyết theo thủ tục sơ thẩm là đúng thẩm quyền.

[2] Về nội dung:

Quan hệ hôn nhân giữa anh T và chị T đã tuân thủ các quy định của pháp luật nên là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng về chung sống với nhau đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống, chị T đã bỏ nhà đi khỏi địa phương từ tháng 11/2016 đến nay không có tin tức gì và Tòa án đã ra quyết định tuyên bố chị T mất tích.

Do vậy, cần xử cho anh T được ly hôn với chị T là phù hợp quy định của pháp luật.

Về con chung: Anh T và chị T có 02 con chung là Nguyễn Bá P, sinh ngày 21/6/2006 và Nguyễn Văn A, sinh ngày 07/12/2010.

Anh T yêu cầu được nuôi cả 02 con, cấp dưỡng nuôi con anh không yêu cầu giải quyết.

Đối với yêu cầu này của anh T, Hội đồng xét xử xét thấy: Anh T có công việc, thu nhập đảm bảo nuôi con; các cháu P, A đều có nguyện vọng được ở với anh T, quá trình sống với anh T thì các cháu luôn được anh T quan tâm chăm sóc lo ăn học đầy đủ nên cần giao cả 02 con cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp quy định của pháp luật.

Vấn đề cấp dưỡng nuôi con, anh T không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về tài sản chung, công sức đóng góp: Anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về công nợ: Không có nên không xem xét giải quyết.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ các Điều 28, 35, 36, 39, 147, 235, 264, 266, 267, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự,

Căn cứ các Điều 51, khoản 2 Điều 56, Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình

Căn cứ nghị quyết 326/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí tòa án

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Văn T

Về quan hệ vợ chồng: Cho anh Nguyễn Văn T được ly hôn với chị Nguyễn Thị T.

Về con chung: Giao hai cháu Nguyễn Bá P, sinh ngày 21/6/2006 và Nguyễn Văn A, sinh ngày 07/12/2010 cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng. Cấp dưỡng nuôi con không đặt ra giải quyết.

Người trực tiếp nuôi con cùng thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Về tài sản chung, công sức đóng góp và công nợ: không xem xét giải quyết

Về án phí: Anh Nguyễn Văn T phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ theo biên lai thu số AA/2017/0002384 ngày 02/12/2019 của Chi cục T hành án dân sự thị xã Từ Sơn. Anh T đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tống đạt bản án hoặc ngày bản án được niêm yết hợp lệ.

***Nơi nhận*:**
- VKSND thị xã Từ Sơn;
- TAND tỉnh Bắc Ninh;
- T hành án dân sự thị xã Từ Sơn;
- Những người tham gia tố tụng;
- UBND phường Tân Hồng,
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Thu Hà